

Bản án số: 63/2026/HS-ST
Ngày 04-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân và ông Lò Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Lò Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/12/1994, tại xã S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn O và bà Lò Thị P; bị cáo có vợ là Quàng Thị N và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2025, đến nay. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự:

1. Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chủ tịch UBND xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Cộng đồng bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật ông Vì Văn T - Trưởng bản. Có mặt.

3. Ông Lò Văn D, sinh năm 1964, Vì Thị T, sinh năm 1963 và anh Lò Văn D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vì Thị T và anh Lò Văn D: Ông Lò Văn D, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Ông Lò Văn C, sinh năm 1965, bà Quàng Thị T, sinh năm 1965, anh Lò Văn L, sinh năm 1995 và anh Lò Văn T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Quàng Thị T, anh Lò Văn L, và anh Lò Văn T: Ông Lò Văn C, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Ông Lò Văn T, sinh năm 1975, bà Lò Thị H, sinh năm 1978 và chị Lò Thị N, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Bản H, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lò Thị H và chị Lò Thị N: Ông Lò Văn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Bản H, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tòng Văn K, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Chị Tòng Thị H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Chị Lò Thị T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Chị Lường Thị M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Bà Lường Thị P, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Bản C, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2025, để có đất trồng cây cà phê, Lò Văn T nảy sinh ý định lên khu vực P thuộc bản C, xã S, tỉnh Sơn La phá rừng để lấy đất làm nương. T đã thuê 05 người, gồm: Tòng Văn K, sinh năm 1992; Lò Thị T, sinh năm 1996; Tòng Thị H, sinh năm 1989; Lường Thị M, sinh năm 1988; Lường Thị P, sinh năm 1961 cùng trú bản C đi chặt phá rừng, tiền công T trả từ 230.000đ đến 250.000đ/người/ngày. Để che giấu việc phá rừng trái phép, T nói với những người làm thuê là đi chặt phát cây mọc tự nhiên trên nương nhà T để làm nương. Khi lên rừng T trực tiếp sử dụng cưa máy xăng cắt hạ những cây gỗ to trong thời gian 01 ngày. Những người làm thuê sử dụng dao quắm chặt phát những cây bụi, cây gỗ nhỏ trong thời gian 02 ngày. Sau khi chặt phát cây xong, T chờ để cho cây khô tự nhiên rồi đốt dọn. Tổng số tiền công T trả cho những người làm thuê là 1.880.000đồng. Đến ngày 12/5/2025, tổ công tác gồm Kiểm lâm viên địa bàn phối hợp với cán bộ UBND xã M; Ban quản lý bản C, xã M; Công an xã M; Đoàn Biên phòng N kiểm tra phát hiện, lập biên bản và đình chỉ hành vi phá rừng trái phép của Lò Văn T, tại đây Lò Văn T khai nhận toàn bộ hành vi chặt phá rừng như đã nêu trên, đồng thời tổ công tác báo cáo sự việc đến Hạt Kiểm lâm S để giải quyết theo thẩm quyền.

* Vật chứng thu giữ: 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW AK 9999 và 01 con dao quắm.

Ngày 14/5/2025, Hạt Kiểm lâm S, tỉnh Sơn La phối hợp với Viện KSND huyện S (cũ), tỉnh Sơn La và chính quyền xã M, huyện S (cũ) tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định diện tích, vị trí đám rừng bị phá, kết quả sau kiểm tra, đo đếm tổng diện tích rừng bị phá là 6.941m².

Đối chiếu từ bảng toạ độ đo đạc được với bản đồ giao đất lâm nghiệp, giao rừng năm 2002 vị trí rừng bị chặt phá xác định như sau:

- Lô thứ nhất: Thuộc tiểu khu 815, Khoảnh 1, lô b loại rừng phòng hộ, trạng thái rừng Ia (trạng thái đất trống). Chủ rừng Lò Văn C, diện tích bị chặt phá 1.065m².

- Lô thứ hai: Thuộc tiểu khu 802, Khoảnh 2, lô o loại rừng phòng hộ, trạng thái rừng Ia (trạng thái đất trống). Chủ rừng Lò Văn T, diện tích bị chặt phá 550m².

- Lô thứ ba: Thuộc tiểu khu 815, Khoảnh 1, lô C2 loại rừng phòng hộ, trạng thái rừng Ia (trạng thái đất trống). Chủ rừng Lò Văn D, diện tích 5.326m².

Đối chiếu từ bảng toạ độ đo đạc được với bản đồ rà soát theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 29/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, dùng toạ độ VN2000 để xác định vị trí rừng bị chặt phá xác định như sau:

- Lô thứ nhất: Thuộc tiểu khu 802 Khoảnh 2, lô 29 loại rừng sản xuất, trạng thái rừng TXN, chủ rừng: Lò Văn T, diện tích gây thiệt hại là 550m².

- Lô thứ hai: Thuộc tiểu khu 802 Khoảnh 2, lô 31 loại rừng sản xuất, trạng thái rừng TXN, chủ rừng: Lò Văn C, diện tích bị thiệt hại là 850m².

- Lô thứ ba: Thuộc tiểu khu 815 Khoảnh 1, lô 2, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng TXN, chủ rừng: Cộng đồng bản C, diện tích bị thiệt hại là 2.185m².

- Lô thứ tư: Diện tích bị phá 215m² nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp, do UBND xã S quản lý.

- Lô thứ năm: Thuộc tiểu khu 815, Khoảnh 1 lô 1, loại rừng sản xuất, trạng thái rừng TXN, chủ rừng: Lò Văn D, diện tích bị thiệt hại là 3.141 m².

Thiệt hại về lâm sản là toàn bộ thảm thực vật và 118 cây gỗ các loại như Dẻ, Gù đỏ, Vối thuốc, dổi và một số loại cây gỗ tạp khác. Mặt cắt gốc cây cách mặt đất từ 20cm đến 45 cm, vết cắt bằng máy cưa xăng cầm tay và dao. Tổng khối lượng gỗ 10,99m³.

Ngày 01/10/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La tiến hành xác định lâm sản bị chặt phá tại diện tích 215m² ngoài quy hoạch lâm nghiệp (đất nông nghiệp) có khối lượng 0,902m³.

Sau khi khám nghiệm hiện trường vật chứng vụ án tại hiện trường được giao cho chủ rừng là ông Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn Ti và Ban quản lý bản C, xã S quản lý bảo vệ.

Ngày 02/6/2025, Hạt Kiểm lâm S, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 55/QĐ-HKL đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La, trưng cầu giám định về loại rừng, diện tích rừng, trạng thái rừng, lâm sản bị thiệt hại.

Tại Kết luận giám định số 01-2025/KL/GĐCN ngày 18/6/2025 của giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp kết luận:

- Theo dữ liệu Bản đồ, hồ sơ giao đất Lâm nghiệp - giao rừng xã M năm 2002 huyện S (sau này là huyện S).

+ Vị trí: tiểu khu 802, khoảnh 2, lô o và Tiểu khu 815, Khoảnh 1, gồm các lô b; lô c2; với tổng diện tích bị thiệt hại 6.941 m². Nguồn gốc đất rừng: Rừng phòng hộ.

- Theo dữ liệu Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Vị trí: tổng diện tích bị thiệt hại 6.941m² trong đó: Diện tích rừng sản xuất bị phá 6.726m²; diện tích rừng không thuộc đất lâm nghiệp (đất nông nghiệp) 215m², cụ thể:

+ Tại tiểu khu 802, Khoảnh 2, gồm các lô _rs: 29; lô _rs: 31, diện tích rừng sản xuất bị phá 1.400m². Tiểu khu 815, Khoảnh 1, gồm các lô _rs: 1; lô _rs: 2, diện tích rừng sản xuất là 5.326m². Loại rừng: Rừng sản xuất diện tích bị phá 6.726m².

+ Tiểu khu 815, Khoảnh 1, lô _rs: diện tích không thuộc đất lâm nghiệp (*đất nông nghiệp*) là 215m². Loại rừng: Diện tích rừng không thuộc lâm nghiệp (*đất nông nghiệp*) 215m².

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 12/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Sơn La, kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại tổng số tiền là: 37.659.500đ. Tổng khối lượng, số lượng lâm sản bị thiệt hại trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp (đất nông nghiệp) là 1.082.400đ.

Bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-KV3 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai, bị cáo không khai báo gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố Lò Văn T về tội “Hủy hoại rừng”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố Lò Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lò Văn T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn áp dụng mức khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Nhà nước giá trị rừng bị thiệt hại tổng là 38.741.900đ, được khấu trừ số tiền tự nguyện bồi thường cho Nhà nước đã nộp là 20.000.000đ, theo biên lai thu số 0000294 ngày 24/11/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước số tiền 18.741.900đ (Mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm đồng).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 79cm, chuôi dao bằng thanh gỗ tròn có đường kính 03cm, dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, bản rộng nhất 04cm (đã qua sử dụng); 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu CHAIN SAW AK 9999, có tổng chiều dài 94cm, phần đầu máy màu cam, dài 20cm, rộng 13cm, phần miếng sắt bằng kim loại để nối với máy (lam) dài 54cm, rộng từ 05cm đến 07cm, dày 03mm, 01 dây xích bằng kim loại theo kèm lam đã bị tháo rời (máy bị hư hỏng, không sử dụng được).

Giao cho các chủ rừng Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn T và Ban quản lý bản C, xã S tiếp tục quản lý toàn bộ số lâm sản bị thiệt hại gồm có khối lượng 11,892m³ gỗ theo hướng để cây rừng tự phân hủy, mục nát tự nhiên cho rừng tái sinh bình thường. Theo biên bản ngày 14/5/2025 giữa Hạt kiểm lâm S và Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn T, Ban quản lý bản C, xã S.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Lò Văn T nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát không có tranh luận và đối đáp.

Nguyên đơn dân sự Cộng đồng bản C, xã S, tỉnh Sơn La do ông Vì Văn T – Trưởng bản làm người đại diện nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát, yêu cầu Lò Văn T bồi thường thiệt hại do hành vi chặt phá rừng trái phép gây ra cho Nhà nước số tiền 38.741.900đ, trừ đi phần bị cáo đã bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn K, chị Tòng Thị H nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập: Tại phiên toà nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Sơn La - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T - Chủ tịch UBND xã S, tỉnh Sơn La, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị T, Lường Thị M, Lường Thị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn dân sự và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự ông Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn T, vắng mặt không có lý do, nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên, theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo phạm tội trước ngày 01/7/2025 và bị truy tố xét xử khi luật sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự đã có hiệu lực pháp luật tuy nhiên để quy định có lợi cho bị cáo nên HĐXX áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 theo quy định tại Điều 4 luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết định tội: Tại phiên toà bị cáo Lò Văn T thừa nhận: Trong khoảng thời gian tháng 02/2025, Lò Văn T đã trực tiếp và thuê người khác chặt phá 6.726m² rừng tại tiểu khu 802, Khoảnh 2, gồm các lô_rs: 29; lô_rs: 31 (1.400 m²) và tiểu khu 815, Khoảnh 1, gồm các lô_rs: 1; lô_rs: 2 (5.326 m²) thuộc bản C, xã S, tỉnh Sơn La để lấy đất trồng cây cà phê. Lâm sản bị thiệt hại là 10,99m³ gỗ thuộc các nhóm IV, V, VI (nhóm gỗ tạp). Thiệt hại về rừng là 37.659.500 đồng và 1.082.400đ (khối lượng, số lượng lâm sản bị thiệt hại trên đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp).

Theo quy định tại điểm 3.4 khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La quy định việc chuyển loại rừng được giao cho cơ quan chức năng thực hiện. Tuy nhiên đến nay các cơ quan chuyên môn chưa hoàn tất thủ tục hành chính về chuyển loại rừng nhưng không làm thay đổi bản chất pháp lý và tính chất của loại rừng được xác định trong Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La. Do vậy xác định loại rừng để xử lý vi phạm đối với Lò Văn T là rừng sản xuất. Chủ rừng là các ông Lò Văn T, Lò Văn D, Lò Văn C và Cộng đồng bản C, xã S tỉnh Sơn La.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản về việc kiểm tra phá rừng trái pháp luật tại khu vực bản P thuộc bản C, xã M; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh; Kết luận giám định tư pháp số 01, ngày 18/6/2025 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La; Kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 12/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản xã S; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lò Văn C, Lò Văn T, biên bản giao đất lâm nghiệp – đất rừng cho ông Lò Văn D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 47 ngày 10/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự, biết rõ việc phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý với mục đích mở rộng diện tích làm nương trồng cà phê phát triển kinh tế gia đình. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái rừng, sinh trưởng và phát triển của các loài sinh vật rừng. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình, bị cáo đã khắc phục, bồi thường trước một phần thiệt hại với số tiền là 20.000.000đ vào ngân sách Nhà nước theo biên lai thu số 0000294 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, gia đình bị cáo có đơn bảo lãnh cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương (có xác nhận của chính quyền địa phương), là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo Lò Văn T có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đảm bảo việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đảm bảo được mục đích giáo dục, răn đe và phòng ngừa, đảm bảo việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa xác định bị cáo thu nhập chính từ trồng trọt, phụ thuộc vào mùa vụ, gia đình thuộc hộ nghèo vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của UBND xã S, Cộng đồng bản C, xã S, tỉnh Sơn La, ông Lò Văn T, ông Lò Văn D, ông Lò Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với toàn bộ diện tích rừng đã hủy hoại 6.726m² và 215m² đất ngoài lâm nghiệp với tổng số tiền bồi thường đề sung vào ngân sách nhà nước là 38.741.900đ, số tiền bồi thường sẽ được trừ vào phần bị cáo đã tự nguyện khắc phục, xét yêu cầu của UBND xã S, Cộng đồng bản C, xã S, tỉnh Sơn La, ông Lò Văn T, ông Lò Văn D, ông Lò Văn C là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà

nước giá trị rừng bị thiệt hại và lâm sản bị thiệt hại trên đất ngoài lâm nghiệp, là 38.741.900đ, được khấu trừ số tiền tự nguyện bồi thường cho Nhà nước đã nộp là 20.000.000đ, theo biên lai thu số 0000294 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước số tiền 18.741.900đ (Mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm đồng).

[9] Về vật chứng: Đối với 01 con dao quắm có tổng chiều dài 79cm, chuôi dao bằng thanh gỗ tròn có đường kính 03cm, dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, bản rộng nhất 04cm (đã qua sử dụng); 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu CHAIN SAW AK 9999, có tổng chiều dài 94cm, phần đầu máy màu cam, dài 20cm, rộng 13cm, phần miếng sắt bằng kim loại để nối với máy (lam) dài 54cm, rộng từ 05cm đến 07cm, dây 03mm, 01 dây xích bằng kim loại theo kèm lam đã bị tháo rời (máy bị hư hỏng), không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số lâm sản bị chặt phá: Hiện số lâm sản trên đang trong quá trình phân hủy mục nát, việc di chuyển các cây gỗ còn lại sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cây non, cây tái sinh. Ngoài ra, do hiện trường ở xa khu dân cư, việc đi lại khó khăn nên chi phí nhân công, vận chuyển, bảo quản sẽ lớn hơn nhiều so với giá trị của lâm sản, do vậy, các chủ rừng Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn T và Ban quản lý bản C, xã S đề nghị để cây rừng phân hủy, mục nát tự nhiên cho rừng tái sinh bình thường. Cần ghi nhận

[10] Các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với Tòng Văn K, sinh năm 1992, Lò Thị T, sinh năm 1996, Tòng Thị H, sinh năm 1989, Lường Thị M, sinh năm 1988, Lường Thị P, sinh năm 1961 đều được Lò Văn T thỏa thuận thuê chặt phá cây trên nương nhà T nên không nhận thức được hành vi đó là phá rừng trái pháp luật, do vậy không có căn cứ xử lý các đối tượng trên là có căn cứ

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo. Tại phiên tòa bị cáo có ý kiến đề nghị xin được miễn án phí. Do đó cần miễn án phí hình sự, dân sự cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Hủy hoại rừng.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Sơn La nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án

Miễn áp dụng mức khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương UBND xã S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án Hình sự.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Nhà nước giá trị rừng bị thiệt hại tổng là 38.741.900đ, được khấu trừ số tiền tự nguyện bồi thường cho Nhà nước đã nộp là 20.000.000đ, theo biên lai thu số 0000294 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước số tiền 18.741.900đ (Mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, chín trăm đồng).

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 79cm, chuôi dao bằng thanh gỗ tròn có đường kính 03cm, dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 36cm, bản rộng nhất 04cm (đã qua sử dụng); 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu CHAIN SAW AK 9999, có tổng chiều dài 94cm, phần đầu máy màu cam, dài 20cm, rộng 13cm, phần miếng sắt bằng kim loại để nối với máy (lam) dài 54cm, rộng từ 05cm đến 07cm, dày 03mm, 01 dây xích bằng kim loại theo kèm lam đã bị tháo rời (máy bị hư hỏng, không sử dụng được).

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/12/2025 giữa Công an tỉnh Sơn La và phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Sơn La

Giao cho các chủ rừng Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn T và Ban quản lý bản C, xã S tiếp tục quản lý toàn bộ số lâm sản bị thiệt hại gồm có khối lượng 11,892m³ gỗ theo hướng để cây rừng tự phân hủy, mục nát tự nhiên cho rừng tái sinh bình thường.

Theo biên bản bàn giao ngày 14/5/2025 giữa Hạt kiểm lâm S và Lò Văn D, Lò Văn C, Lò Văn T, Ban quản lý bản C, xã S.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 04/02/2026.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3;
- Công an tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Trại giam Công an tỉnh Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.
- Bị cáo, nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã S, tỉnh Sơn La
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên